| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HƯNG NGUYÊN**<br>**TỈNH NGHỆ AN**<br>Số: 03/2023/HNGĐ-ST<br>Ngày: 28/ 02/2023<br>V/v: " *Ly hôn"* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG NGUYÊN, TỈNH NGHỆ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Phan Hương;

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Hoàng Nghĩa Toàn và ông Trần Văn Hải;

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hoa, cán bộ Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An:*** Nguyễn Thị Giang.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 133/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tth; sinh năm: 1988; Nơi đăng ký HKTT: Xóm HP, xã T, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Khối X, TT N, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh NVĐ; sinh năm:1985; địa chỉ: Xóm HP, xã T, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn xin ly hôn ngày 09 tháng 9 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn chị Tth trình bày:* Chị và anh NVĐ đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 7 năm 2016 tại Ủy ban

nhân dân xã T, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên trong cuộc sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Do anh Đ không chịu đi làm ở nhà chơi cờ, bạc. Nay tình cảm không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh NVĐ. Về con chung: không có con. Về tài sản và các khoản nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên Tòa chị Tth giữ nguyên yêu cầu khởi kiện*.

*Bị đơn anh NVĐ:* Không hợp tác và không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên không có lời khai.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp "Ly hôn". Bị đơn là anh NVĐ có hộ khẩu thường trú tại: Xóm HP, xã T, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, tiến hành triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh NVĐ nhưng anh Đkhông hợp tác và không có mặt tại Tòa án để làm việc. Đây là lần thứ 02 anh Đvắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Tth và anh NVĐ có đăng ký kết hôn ngày 26/07/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay chị H cương quyết xin được ly hôn

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Tth được ly hôn anh TVĐ.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng không có con chung.

[4]. *Tài sản và các khoản nợ:* Chị Tth không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5].*Về án phí:* Chị Tth phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56; Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Tth được ly hôn anh NVĐ.

2. *Về án phí:* Chị Tth phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ mà chị H đã nộp tại cơ quan Thi hành án Dân sự huyện Hưng Nguyên theo biên lai thu tiền số 0003985 ngày 08 tháng 11 năm 2022. Chị H đã nộp đủ.

3. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Hưng Nguyên;
- THA DS huyện Hưng Nguyên
- Đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Phan Hương**